

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **516/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàn Xanh

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 398/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1970; HKTT và ngụ tại: 200 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1967; HKTT và ngụ tại: 200 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP C1; Địa chỉ: 108 đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C1: Ông Hoàng Ngọc Tuấn A, sinh năm 1989; Địa chỉ : 132-134-136-138 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 884/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018). (có đơn xin vắng mặt)

2. Ngân hàng TMCP A; Địa chỉ: 442 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A: Bà Lê Trí Phương T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Ar, 444A-446 đường C, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận kết hôn số 5 ngày 11/4/1992.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà P trình bày là do lối sống không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã về cách chi tiêu tiền bạc và nuôi dạy con cái. Bên cạnh đó, vợ chồng không có sự bàn bạc, tôn trọng, tin tưởng, quan tâm lẫn nhau, mặc ai nấy sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà P yêu cầu ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà P khai nhận vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 24/6/1993 và Nguyễn Duy Bảo T, sinh ngày 30/7/2000. Do các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà P yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P khai nhận vợ chồng có các khoản nợ chung sau:

- Nợ Ngân hàng TMCP C1 theo Hợp đồng tín dụng số 19117/2019-HĐCVHM/NHCT932 ngày 05/7/2019 và dư nợ gốc hiện nay là 2.200.000.000 đồng.

- Nợ Ngân hàng TMCP A theo Hợp đồng tín dụng số NGS.CN.664.090715 ngày 10/7/2015 và NGS.CN.2092.040109 ngày

04/01/2019 và dư nợ gốc hiện nay là 5.489.000.000 đồng. Đối với khoản nợ tại Ngân hàng TMCP A vợ chồng bà đã tất toán xong, ngoài ra vợ chồng bà không còn khoản nợ nào đối với Ngân hàng TMCP A.

Đối với các khoản nợ của Ngân hàng TMCP C1, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng bà không còn khoản nợ chung nào khác.

Tại các bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Duy C trình bày: Về hoàn cảnh kết hôn và điều kiện kết hôn đúng như lời bà P trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về cách nuôi dạy con cái và chi tiêu tiền bạc. Giữa vợ chồng không có sự bàn bạc, chia sẻ và không có sự tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay bà P yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C khai nhận vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 24/6/1993 và Nguyễn Duy Bảo T, sinh ngày 30/7/2000. Do các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C khai nhận vợ chồng có các khoản nợ chung đúng như bà P trình bày, cụ thể:

- Nợ Ngân hàng TMCP C1 theo Hợp đồng tín dụng số 19117/2019-HĐCVHM/NHCT932 ngày 05/7/2019 và dư nợ gốc hiện nay là 2.200.000.000 đồng.

- Nợ Ngân hàng TMCP A theo Hợp đồng tín dụng số NGS.CN.664.090715 ngày 10/7/2015 và NGS.CN.2092.040109 ngày 04/01/2019 và dư nợ gốc hiện nay là 5.489.000.000 đồng. Đối với khoản nợ tại Ngân hàng TMCP A vợ chồng ông đã tất toán xong, ngoài ra vợ chồng ông không còn khoản nợ nào đối với Ngân hàng TMCP A.

Đối với các khoản nợ của Ngân hàng TMCP C1, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng ông không còn khoản nợ chung nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP C1 do ông Hoàng Ngọc Tuấn A làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Chợ Lớn có cho vay đối với hộ kinh doanh Nguyễn Thị Minh P do bà Nguyễn Thị Minh P làm chủ hộ theo Hợp

đồng tín dụng số 19117/2019-HĐCVHM/NHCT932 ngày 05/7/2019. Ông Nguyễn Duy C là người liên đới nghĩa vụ trả nợ.

Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 11/6/3 đường số 16, khu phố 4, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Minh P đứng tên chủ sở hữu.

Đến ngày 28/11/2019, tổng dư nợ gốc của bà P, ông C là 2.200.000.000 đồng, lãi phát sinh là 1.536.986 đồng.

Trong quá trình vay vốn, vợ chồng bà P ông C thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

Vì vậy, đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của bà P thì Ngân hàng không có ý kiến, về phần nợ chung Ngân hàng TMCP C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP A do bà Lê Trí Phương T làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP A và bà Nguyễn Thị Minh P, ông Nguyễn Duy C có ký hợp đồng tín dụng số NGS.CN.664.090715 ngày 10/7/2015 và NGS.CN.2092.040109 ngày 04/01/2019.

Vợ chồng bà P ông C có giao dịch tín dụng với Ngân hàng TMCP A từ năm 2010. Ngày 11/11/2010, vợ chồng bà P có thể chấp cho Ngân hàng TMCP A tài sản tại địa chỉ số 248 (số mới 200) đường L, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh do bà P và ông C đứng tên chủ sở hữu. Hợp đồng tín dụng này được tái thế chấp nhiều lần. Ngày 07/8/2015, vợ chồng bà P tiếp tục thế chấp tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 415/51 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà P và ông C đứng tên chủ sở hữu để ký hợp đồng tín dụng số NGS.CN.664.090715 ngày 10/7/2015.

Tính đến ngày 04/11/2019, tổng dư nợ gốc là 5.489.000.000 đồng và nợ lãi là 41.884.626 đồng.

Tính đến ngày 08/6/2020, bà Nguyễn Thị Minh P và ông Nguyễn Duy C đã thanh lý toàn bộ nợ vay tại Ngân hàng TMCP A, các tài sản tại địa chỉ số 415/51 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và số 248 (số mới 200) đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn thế chấp tại Ngân hàng TMCP A.

Như vậy, tranh chấp giữa bà P và ông C không còn liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP A nên Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án không triệu tập Ngân hàng TMCP A tham gia tố tụng và giải quyết vắng mặt Ngân hàng TMCP A theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP C1 do ông Hoàng Ngọc Tuấn Anh làm người đại diện theo ủy quyền và Ngân hàng TMCP A do bà Lê Trí P Tâm làm người đại diện theo ủy quyền: Có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị Minh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 5 ngày 11/4/1992 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh V cấp cho bà Nguyễn Thị Minh P và ông Nguyễn Duy C thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà P yêu cầu ly hôn, ông C có nơi cư ngụ tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/7/2020, bị đơn có đơn xin vắng mặt đề ngày 22/6/2020, Ngân hàng TMCP C1 có yêu cầu vắng mặt tại Công văn số 308/PKH-CNCL ngày 01/6/2020 và Ngân

hàng TMCP A vắng mặt tại Công văn số 2351/CV-QLN.20 ngày 01/7/2020. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về yêu cầu của nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Minh P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Duy C:

Căn cứ lời khai của bà P và ông C thấy rằng vợ chồng ông bà chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng, cãi vã, vợ chồng không hợp nhau về mọi việc trong cuộc sống. vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về cách nuôi dạy con cái và chi tiêu tiền bạc. Giữa vợ chồng không có sự bàn bạc, chia sẻ và không có sự tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 22/6/2020, bà P yêu cầu ly hôn thì ông Nguyễn Duy C đồng ý ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà P và ông C.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Hai bên khai nhận vợ chồng hai con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 24/6/1993 và Nguyễn Duy Bảo T, sinh ngày 30/7/2000. Do các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về quan hệ tài sản*:

- Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ngân hàng TMCP C1, Ngân hàng TMCP A, bà P và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phân tài sản chung và nợ chung.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà P chịu án phí theo qui định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh P:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Nguyễn Duy C thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 5 ngày 11/4/1992 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho bà Nguyễn Thị Minh P và ông Nguyễn Duy C hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng hai con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 24/6/1993 và Nguyễn Duy Bảo T, sinh ngày 30/7/2000. Do các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ngân hàng TMCP C1, Ngân hàng TMCP A, bà P và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Minh P chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0012914 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND xã B, huyện T,
tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Thị Hương